

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH HÀ  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05-4-2022

V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Thành và bà Nguyễn Thị Bình.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Quang Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 05/4/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/01/2022 về việc: Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/3/2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên toà số 01/TB-TA ngày 28/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th sinh năm 1986; vắng mặt

HKTT: Thôn L, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Tr sinh năm 1982; vắng mặt.

HKTT: Thôn L, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Thanh Phong, Cục C10, Bộ Công an - địa chỉ: Thị trấn Nông Công, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hoá.

3. Người làm chứng: Bà Ngô Thị T sinh năm 1940, ông Nguyễn Văn X sinh năm 1940, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chị Th, anh Tr trình bày: Anh, chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 30/4/2004. Chị Th xác định vợ chồng chung sống đến khoảng tháng 02/2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh Tr sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ, con; nghiện ma túy; vi phạm pháp luật. Anh Tr xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mặt khác hiện nay

anh đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam, nên chị Th xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Chị Th, anh Tr xác định có hai con là Nguyễn Đức H sinh ngày 27/8/2004, Nguyễn Thị Y. N. sinh ngày 21/10/2006, hiện tại do chị Th nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Th xin nhận nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh Tr xác định nếu anh và chị Th ly hôn thì vợ chồng đều phải có trách nhiệm nuôi con.

Về tài sản, nợ, công sức: Chị Th, anh Tr không yêu cầu giải quyết.

Người làm chứng ông X, bà T trình bày: Chị Th, anh Tr là vợ chồng, chung sống đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Tr nghiện ma túy và vi phạm pháp luật. Nay chị Th xin ly hôn anh Tr, ông bà mong muốn các bên đương sự về đoàn tụ hôn nhân. Nếu chị Th cương quyết xin ly hôn anh Tr, ông bà đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải vụ án.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử, chị Th ly hôn anh Tr; giao hai con chung cho chị Th nuôi dưỡng, anh Tr không phải cấp dưỡng tiền nuôi con; chị Th phải chịu án phí ly hôn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Th, anh Tr đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Th, anh Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 30/4/2004, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, hai bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Tr là người nghiện ma túy và hiện nay đang phải chấp hành hình phạt tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; mặt khác anh Tr với bốn phận, trách nhiệm làm chồng, làm cha trong gia đình nhưng lại không chăm lo, quan tâm tới gia đình, vợ, con của chính mình. Xác minh tại địa phương và người thân trong gia đình của đương sự đều xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa các bên đương sự đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ hôn nhân. Quá trình giải

quyết vụ án, chị Th cương quyết xin ly hôn anh Tr, còn anh Tr xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng cũng không có biện pháp nào để hàn gắn, cải thiện tình trạng hôn nhân với chị Th. Như vậy, từ những căn cứ như đã nêu ở trên, HĐXX có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th, quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử chị Th ly hôn anh Tr.

[3]. Về con chung: Khi ly hôn, chị Th có nguyện vọng nhận nuôi dưỡng hai con là Nguyễn Đức H sinh ngày 27/8/2004, Nguyễn Thị Y. N. sinh ngày 21/10/2006 và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh Tr có quan điểm nếu ly hôn thì vợ chồng đều có trách nhiệm nuôi dưỡng con. Sau khi xem xét nguyện vọng của các bên đương sự và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX thấy rằng: Cháu H, cháu N đều trên 07 tuổi, có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Th, trong khi đó anh Tr đang phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam nên không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng các con, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Th, quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và nguyện vọng của cháu H, cháu N, giao các con chung cho chị Th nuôi dưỡng, anh Tr không phải cấp dưỡng tiền nuôi con; anh Tr có quyền thăm nom con như theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản, nợ, công sức: Chị Th, anh Tr không yêu cầu, nên HĐXX không giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

*Vì các lẽ trên.*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th ly hôn anh Nguyễn Văn Tr.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Đức H sinh ngày 27/8/2004, Nguyễn Thị Y. N. sinh ngày 21/10/2006 cho chị Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 04/2022 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Th tự nguyện không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0003344 ngày 11/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã T, huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Mạnh Tuấn**